

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA Ở VIỆT NAM

Phạm Thùy Liên

Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong, TP. Hà Nội

TÓM TẮT

Trong tiến trình phát triển kinh tế, ngành công nghiệp chiếm vị trí quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với tốc độ tăng trưởng kinh tế và tăng thu nhập bình quân trên đầu người. Tuy nhiên, phát triển công nghiệp đi kèm với nó luôn là những thách thức về ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, biến đổi khí hậu và những tác động tiêu cực đến xã hội... Trên cơ sở tổng hợp và phân tích các số liệu, dẫn chứng, bài viết làm sáng tỏ ba vấn đề: Thứ nhất, sự cần thiết của việc phát triển bền vững và phát triển công nghiệp bền vững. Thứ hai, nội hàm của khái niệm phát triển bền vững và phát triển công nghiệp bền vững. Thứ ba, những vấn đề đặt ra với phát triển công nghiệp bền vững ở Việt Nam hiện nay trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường. Từ đó đi tới khẳng định con đường phát triển công nghiệp theo hướng mà trong đó các vấn đề dân số, kinh tế, xã hội, tài nguyên và môi trường được xem xét một cách tổng thể, nhằm hạn chế những tác động cản trở đến sự phát triển của mỗi quốc gia. Đó chính là con đường phát triển công nghiệp bền vững và cũng là vấn đề cấp bách đặt ra đối với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Công nghiệp; công nghiệp hóa, hiện đại hóa; công nghiệp bền vững; phát triển bền vững.

Ngày nhận bài: 26/7/2019; Ngày hoàn thiện: 12/9/2019; Ngày đăng: 20/9/2019

THE SUSTAINABLE INDUSTRIAL DEVELOPMENT AND ISSUES RAISED IN VIETNAM

Pham Thuy Lien

Le Hong Phong Staff Training School in Ha Noi City

ABSTRACT

In the process of economic development, industry plays an important and decisive role for economic growth rate and increasing per capita income. However, the industrial development also faces many challenges such as environmental pollution, resource depletion, climate change, negative impacts on society, etc. On the basis of summarizing and analyzing the data and evidences, the article highlights three issues: First, the need for sustainable development and sustainable industrial development. Second, the connotation of the concept of sustainable development and sustainable industrial development. Third, the issues raised with sustainable industrial development in Vietnam nowadays in the fields of economy, society and environment. From there, we affirm the path of industrial development in the direction in which the population, economy, society, natural resources and environment are taken into consideration holistically in order to minimize impacts that hinder the development of each nation. That is the path of sustainable industrial development and also an urgent issue for the process of speeding up industrialization and modernization of Vietnam's current economy.

Keywords: Industry; industrialization and modernization; sustainable industry; sustainable development.

Received: 26/7/2019; Revised: 12/9/2019; Published: 20/9/2019

Email: hoangnganha2011tn@gmail.com

<http://jst.tnu.edu.vn>; Email: jst@tnu.edu.vn

1. Mở đầu

Công nghiệp là ngành sản xuất vật chất của nền kinh tế quốc dân có các loại hoạt động chủ yếu là khai thác và chế biến tài nguyên thiên nhiên. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân, công nghiệp có vai trò to lớn đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Trong 10 năm qua, công nghiệp Việt Nam đã có những thành tựu nổi bật. Giá trị sản xuất công nghiệp Việt Nam sau 10 năm qua tăng cao gần 3,5 lần, từ 0,34 triệu tỷ đồng lên 1,17 triệu tỷ đồng với tỉ trọng đóng góp vào GDP duy trì ổn định khoảng 31 - 32%, và trở thành ngành đóng góp nhiều nhất cho ngân sách nhà nước. Công nghiệp luôn là ngành xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam với tỷ trọng ở mức xấp xỉ 90% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước qua các năm. Cơ cấu xuất khẩu của các ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực với tỷ trọng các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo từ mức 46,7% năm 2000 lên 97,3% vào năm 2015, trong khi nhóm ngành khoáng sản giảm liên tục, từ 22% năm 2007 xuống còn 7,7% vào năm 2010 và 2,7% năm 2015. Tuy nhiên, kết quả của sản xuất công nghiệp luôn mang tính hai mặt: *một mặt*, đó là các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của sản xuất và tiêu dùng; *mặt khác*, nó tạo ra một lượng rác thải rất lớn, có tác động bất lợi đối với môi trường. Với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận của chủ doanh nghiệp có thể gây ra nhiều nguy hại đối với phát triển bền vững: khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, thiếu trách nhiệm xã hội trong vấn đề bảo vệ môi trường ảnh hưởng đến thu nhập và điều kiện sống của nhân dân địa phương, đến giữ gìn và bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử của địa phương; thiếu trách nhiệm trong việc thực thi nghĩa vụ với nhà nước. Tất cả những vấn đề nêu trên gây ra sự tổn hại nghiêm trọng đến phát triển bền vững.

Chính vì vậy, phát triển công nghiệp bền vững là một yêu cầu hết sức cấp bách đối với nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

2. Quan niệm về phát triển bền vững

Phát triển bền vững là mối quan tâm trên phạm vi toàn cầu. Trong tiến trình phát triển của thế giới, mỗi khu vực và quốc gia xuất hiện nhiều vấn đề bức xúc mang tính phổ biến. Kinh tế tăng trưởng không cùng nhịp với tiến bộ và phát triển xã hội. Có tăng trưởng kinh tế nhưng văn hóa, đạo đức bị suy đồi; làm giãn cách hơn sự phân hóa giàu nghèo, dẫn tới sự bất ổn trong xã hội. Kinh tế càng tăng trưởng thì tình trạng khan hiếm các loại nguyên nhiên liệu, năng lượng do sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên không tái tạo được càng tăng thêm, môi trường thiên nhiên càng bị hủy hoại, cân bằng sinh thái bị phá vỡ, thiên nhiên gây ra những thiên tai vô cùng thảm khốc. Vì vậy, quá trình phát triển cần có sự điều tiết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo đảm an ninh xã hội và bảo vệ môi trường hay phát triển bền vững đang trở thành yêu cầu bức thiết đối với toàn thế giới.

Năm 1987, trong Báo cáo “Tương lai chung của chúng ta” của Hội đồng Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED) của Liên Hợp Quốc, khái niệm phát triển bền vững chính thức được nêu ra: *“Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng được những nhu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của thế hệ mai sau”* [1, tr.5].

Quan niệm này chủ yếu nhấn mạnh khía cạnh sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo đảm môi trường sống cho con người trong quá trình phát triển. Phát triển bền vững là một mô hình chuyển đổi mà nó tối ưu các lợi ích kinh tế và xã hội trong hiện tại nhưng không hề gây hại cho tiềm năng của những lợi ích tương tự trong tương lai

Tháng 6/1992, Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và Phát triển được tổ chức ở Rio de Janeiro (Brazil) đưa ra bản tuyên ngôn “Về Môi trường và Phát triển” đã một lần nữa khẳng định: *“Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm thỏa mãn các nhu cầu hiện tại của con người, nhưng không gây tổn hại tới sự thỏa mãn các nhu cầu của thế hệ tương lai”*

[2, tr.17]. Hay nói cách khác, đó là sự phát triển hài hòa cả về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường ở các thể hệ nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sống của con người.

Năm 2002, Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới và Phát triển bền vững được tổ chức ở Johannesburg (Cộng hòa Nam Phi), đã đưa ra khái niệm hoàn chỉnh về phát triển bền vững như sau: *“Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển, đó là: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống con người trong hiện tại, nhưng không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”*. [3]

Phát triển bền vững với khái niệm như trên được thể hiện ở những tiêu chí cơ bản: là tăng trưởng kinh tế cao và ổn định, thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường sống. Phát triển bền vững là sự phát triển hài hòa cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường, trong đó sự phát triển kinh tế là nguồn gốc, động lực, sự phát triển xã hội là mục tiêu và sự phát triển môi trường là điều kiện của phát triển bền vững.

Như vậy, về nguyên tắc, phát triển bền vững là quá trình vận hành đồng thời ba bình diện phát triển: kinh tế tăng trưởng bền vững, xã hội thịnh vượng, công bằng, ổn định, văn hoá đa dạng và môi trường được trong lành, tài nguyên được duy trì bền vững.

3. Quan niệm về công nghiệp phát triển bền vững

Trong nhiều năm qua, khái niệm về công nghiệp phát triển bền vững là trọng tâm được nhiều cá nhân và tổ chức quan tâm nghiên cứu.

Tại Hội nghị Copenhagen, tháng 10/1991 khái niệm “Phát triển bền vững công nghiệp” được Tổ chức Phát triển Liên Hợp Quốc (UNIDO) đưa ra là: *“Những mô hình công nghiệp hóa hướng vào các lợi ích về kinh tế và xã hội của thế hệ hiện tại và các thế hệ sau mà không làm tổn hại tới quá trình sinh thái nền”*.

Định nghĩa này đã mở hướng tiếp cận thông qua những mô hình công nghiệp hóa có cân nhắc. Đó là mô hình hướng vào các lợi ích kinh tế và xã hội của thế hệ hiện tại và các thế hệ sau mà không để lại những hậu quả về môi trường sinh thái.

Đối với Việt Nam, trong các phân tích của Viện nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp đã phác thảo 5 tiêu chí định hướng cho “Phát triển bền vững công nghiệp Việt Nam” như sau:

“Tiêu chí 1: Tăng trưởng bền vững.

Tiêu chí 2: Tạo vị thế trong phân công quốc tế.

Tiêu chí 3: Tiêu dùng bền vững công nghiệp.

Tiêu chí 4: Doanh nghiệp bền vững.

Tiêu chí 5: Chia sẻ cơ hội, thực hiện công bằng xã hội, phù hợp thể chế chính trị và an ninh” [4, tr.118-119].

Trong nội dung thứ nhất đề cập đến *“Tăng trưởng bền vững”* bao hàm cùng lúc các đảm bảo tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng. Chất lượng tăng trưởng thể hiện ở 3 yếu tố chính: Giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh và cơ cấu công nghiệp.

Tiêu chí thứ 2, *Tạo vị thế trong phân công quốc tế* được đặt ra trong bối cảnh hội nhập và tự do hóa thương mại. Công nghiệp Việt Nam mặc dù nhỏ bé nhưng phải có chỗ đứng trong không gian chung, cân bằng được các quan hệ nhiều chiều trở thành một mắt xích trong mạng lưới phân công quốc tế.

Tiêu chí thứ 3 đề cập đến *Tiêu dùng bền vững công nghiệp*. Nguyên tắc quan trọng nhất của phát triển bền vững là hài hòa giữa phát triển và bảo vệ môi trường. Trong công nghiệp, phát triển phải đi đôi với giảm thiểu ô nhiễm và phát thải, bởi tiêu dùng công nghiệp là nguyên nhân cơ bản tạo ra chất thải và các tác động tới môi trường và cả xã hội.

Tiêu chí thứ 4 cho rằng *doanh nghiệp là cấu thành quan trọng nhất của công nghiệp, mỗi doanh nghiệp phải thực sự bền vững mới tạo ra nền công nghiệp bền vững*.

Tiêu chí cuối cùng gắn với *Chia sẻ cơ hội thực hiện công bằng xã hội* đối với các nhóm lợi ích, sao cho mọi người đều có quyền bình đẳng tiếp cận và chia sẻ các thành quả công nghiệp hóa. Trong tiêu chí này có thể thấy rằng lợi ích mà công nghiệp có được là sự hy sinh những lợi ích khác cả về môi trường và xã hội. Chính vì vậy, công nghiệp cần phải tạo ra cơ hội nhằm lập lại công bằng đối với các nhóm lợi ích.

Tiếp thu có chọn lọc khái niệm phát triển bền vững nói chung và các khái niệm đã có, tác giả đưa ra khái niệm công nghiệp phát triển bền vững như sau:

“Công nghiệp phát triển bền vững là sự phát triển của công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại nhưng không làm ảnh hưởng đến khả năng phát triển công nghiệp trong tương lai, là sự phát triển kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất công nghiệp”.

4. Những vấn đề đặt ra với phát triển công nghiệp bền vững ở Việt Nam

Sau hơn 30 năm đổi mới, công nghiệp Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ, đóng góp to lớn vào công cuộc đổi mới đất nước. Trong năm 2018, ngành công nghiệp tiếp tục thể hiện vai trò quan trọng trong bức tranh phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam với các sản phẩm công nghiệp xuất khẩu chủ lực, thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng duy trì tốc độ tăng trưởng cao. Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp đang đi đúng hướng. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, GDP cả năm 2018 tăng 7,08% so với năm 2017, đây là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 tới nay. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; trong đó, ngành công nghiệp duy trì mức tăng trưởng 8,79%, chiếm 28,44% trong GDP. Sản phẩm công nghiệp phát triển ngày càng đa dạng và phong phú hơn về chủng loại, chất lượng được cải thiện, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh, bảo đảm cung cầu của nền kinh tế, giữ

vững thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Để đạt được mục tiêu phát triển công nghiệp bền vững, trong thời gian tới ngành công nghiệp cần khắc phục một số vấn đề tồn tại, hạn chế cụ thể như:

*** Về kinh tế:**

Tăng trưởng ngành công nghiệp chưa thật bền vững, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp thấp, thể hiện chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành còn chậm được cải thiện. Ngành công nghiệp chủ yếu phát triển theo bề rộng, tỷ trọng gia công, lắp ráp là chủ yếu. Những công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị như nghiên cứu phát triển, thiết kế (thượng nguồn), marketing, phân phối (hạ nguồn) của nhiều ngành công nghiệp còn yếu. Công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển nên sản xuất trong nước cũng như xuất khẩu không ổn định vì phụ thuộc nhiều vào nguyên, phụ liệu đầu vào và biến động của giá cả thế giới. Năng suất lao động, trình độ quản lý chưa cao, lao động chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp chế tạo đòi hỏi trình độ kỹ năng cao.

Trong những năm trở lại đây, tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp đang có xu hướng chậm lại, từ trung bình 14,3%/năm của giai đoạn 2006-2010 giảm xuống 10%/năm trong giai đoạn 2011-2015 và giảm hầu hết trong các nhóm ngành công nghiệp; tốc độ tăng năng suất lao động của ngành công nghiệp giai đoạn 2006-2015 khoảng 2,4%/năm, chậm hơn tốc độ tăng bình quân chung của nền kinh tế là 3,9%. Năng suất lao động công nghiệp Việt Nam bị bỏ xa so với các nước phát triển và các nước trong khu vực. Năng suất lao động của Nhật Bản cao gấp 39 lần của Việt Nam, Singapore cao gấp 26 lần, Hàn Quốc cao gấp 16 lần và Trung Quốc cao gấp 2 lần. So với các nước đang phát triển trong khu vực thì Malaysia cao gấp 6,5 lần, Thái Lan và Phi-lip-pin cao gấp 1,5 lần. Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng trong

công nghiệp đạt thấp, tỷ trọng giá trị gia tăng ngành công nghiệp trong GDP giảm từ 32% năm 2010 xuống còn khoảng 28% năm 2015. Hiện nay, Việt Nam đứng thứ 101 trong tổng số 143 nước về chỉ số giá trị gia tăng trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo theo bình quân đầu người. Đây là những vấn đề đáng lo ngại khi mà Việt Nam mới chỉ ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa.

*** Về xã hội:**

Trước hết, hạn chế của phát triển bền vững công nghiệp về xã hội phải kể đến là trong quy hoạch KCN đã làm tổn hại đến lĩnh vực nông nghiệp. Ở nước ta trong thời gian qua, phát triển công nghiệp nói chung, phát triển KCN và đô thị hóa nói riêng đã lấy đi một phần rất lớn đất đai chuyên dụng trong nông nghiệp. Theo thống kê sơ bộ, diện tích đất trồng lúa được chuyển sang phát triển KCN vào khoảng 10.000 héc ta, chiếm khoảng 20% tổng diện tích đất tự nhiên của khu công nghiệp. Công trình nghiên cứu gần đây của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương chỉ ra rằng, đến nay, cả nước chỉ còn hơn 9 triệu ha đất nông nghiệp, trong đó chỉ còn hơn 4 triệu ha đất trồng lúa và con số này đang giảm đi một cách nhanh chóng, nhường chỗ cho các dự án đầu tư công nghiệp và xây dựng.

Việc phát triển công nghiệp gắn với các khu công nghiệp làm cho một bộ phận không nhỏ lao động nông nghiệp bị thu hồi đất trở thành người thất nghiệp. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê năm 2018, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên khu vực nông thôn là 37,4 triệu người chiếm 67,8% lao động cả nước. Trong đó, có 1,53% lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thiếu việc làm.

Việc phát triển công nghiệp và các KCN cũng dẫn tới hình thành nhiều khu đô thị với làn sóng di dân từ nông thôn ra thành thị. Việc hình thành nhanh các đô thị kéo theo nhiều vấn đề xã hội đặt ra như: kết cấu hạ tầng (điện, nước sinh hoạt, đường sá, trường học, trạm y tế) đặc biệt là những bức xúc về nhà ở cho công nhân tại các KCN, những yêu

cầu về giải trí, giao lưu văn hóa. Tuy nhiên, trong quy hoạch các KCN lại chưa tính toán thấu đáo đến các yếu tố này, vì vậy không đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

*** Về môi trường**

- Nguồn nước mặt ở một số nơi bị ô nhiễm, nhất là trong các khu đô thị, xung quanh các KCN, làng nghề. Tại các lưu vực sông, ô nhiễm và suy thoái chất lượng nước tập trung ở vùng trung lưu và hạ lưu, nhiều nơi ô nhiễm nghiêm trọng, như ở lưu vực sông Nhuệ - Đáy, sông Cầu, hệ thống sông Đồng Nai...

- Đối với môi trường không khí, tại các điểm, nút giao thông, các công trình khu vực xây dựng, ô nhiễm không khí có dấu hiệu gia tăng, nhất là trong các đô thị lớn. Tại Hà Nội, nếu không có giải pháp nào thì nồng độ phát thải bụi mỗi năm có thể đạt 200mg/m³ vào năm 2020, gấp 10 lần mức khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới.

- Ô nhiễm đất đai đang trở nên đáng báo động. Nhất là trong những năm gần đây, nhiều đô thị và thành phố được hình thành thì tình hình ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng. Nước thải từ các nhà máy và khu dân cư đô thị làm ô nhiễm nguồn nước, nước bị ô nhiễm thì đất cũng bị ô nhiễm nặng nề - môi trường đất ngày càng ô nhiễm. Tại các vùng ven các đô thị lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc các vùng tập trung các hoạt động sản xuất công nghiệp, khai khoáng như Thái Nguyên, Đồng Nai, ô nhiễm đất do chất thải từ các hoạt động công nghiệp, xây dựng, sinh hoạt thể hiện rõ nhất, hàm lượng kim loại nặng trong đất có xu hướng gia tăng. Nếu không có những giải pháp chính sách và quản lý thì chất lượng môi trường đất của Việt Nam sẽ bị suy giảm đến mức báo động và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của cộng đồng.

Tại các khu vực khai thác khoáng sản, hoạt động khai thác khoáng sản đã và đang gây nhiều tác động xấu đến môi trường xung quanh như thải đất đá và nước thải mỏ, phát tán bụi thải, quặng xỉ ngấm xuống nguồn

nước hoặc phát tán ra môi trường; làm thay đổi hệ sinh thái rừng, suy thoái và ô nhiễm đất nông nghiệp. Ngoài ra, hiện nay nhiều tổ chức, cá nhân chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa tốt nghĩa vụ cải tạo, phục hồi môi trường sau khi đóng cửa mỏ, giảm hiệu quả sử dụng đất, đặc biệt tại khu vực tập trung nhiều mỏ khai thác khoáng sản. Và hậu quả của ô nhiễm môi trường từ những hoạt động khai thác khoáng sản đã quá rõ ràng.

Vấn đề thu gom, xử lý rác thải, đặc biệt là rác thải y tế và rác thải rắn công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở các đô thị cũng ngày càng khó khăn. Nước thải không được xử lý trước khi đổ vào hệ thống thoát nước chung và đổ vào các dòng sông, nên gây ô nhiễm môi trường rất trầm trọng.

Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã xác định trong những năm tới, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đồng thời xây dựng nền công nghiệp và thương hiệu công nghiệp quốc gia với tầm nhìn trung, dài hạn, có lộ trình cho từng giai đoạn phát triển.

Để thực hiện mục tiêu nêu trên, công nghiệp Việt Nam cần một hệ thống chính sách đồng bộ và hiệu quả, trong đó cần quan tâm bảo đảm 4 nhân tố:

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả;
- Phát triển nhân lực cả về số lượng và chất lượng;
- Phát triển khoa học công nghệ, coi khoa học công nghệ là động lực của sự phát triển;
- Khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên có hiệu quả.

Trong thời gian tới, chúng ta cần đổi mới tư duy khi xây dựng chính sách, thay vì chủ

quan tư duy theo hướng cũ là “đưa chính sách vào cuộc sống” (chính sách được soạn thảo và ban hành theo ý chủ quan của các cơ quan quản lý) thì bây giờ phải làm ngược lại, là “đưa cuộc sống vào chính sách”, tức là, trên cơ sở các định hướng và mục tiêu phát triển trong từng giai đoạn, phải xuất phát từ những đòi hỏi của cuộc sống để ban hành những chính sách phù hợp. Các ưu đãi đề xuất cần phải được cân nhắc kỹ, căn cứ vào nguồn lực, để sau khi ban hành, chính sách có thể triển khai thực hiện được [5].

5. Kết luận

Phát triển công nghiệp bền vững trong thời gian tới, song song với tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm, tránh làm khoét sâu thêm sự chênh lệch giữa các vùng miền và cản trở sự phát triển của các ngành khác thì ngành công nghiệp cần dựa trên cơ sở khai thác và mở rộng các ngành sử dụng ít tài nguyên, dựa vào công nghệ hiện đại gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chủ nghĩa xã hội Việt Nam, *Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
- [2]. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, *Giáo trình kinh tế học phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
- [3]. Chương trình nghị sự toàn cầu về phát triển bền vững, <http://www.vea.gov.vn>, 2011.
- [4]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Chính sách phát triển bền vững ở Việt Nam*; Dự án "Hỗ trợ xây dựng và thực hiện Chương trình nghị sự 21 Quốc gia của Việt Nam", VIE/01/021, 2006.
- [5]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Chính sách phát triển bền vững ở Việt Nam*, 2005.